

Số: 244/TB-UBND

Từ Kỳ, ngày 17 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO

**Về việc công khai Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ,
tỉnh Hải Dương Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; sửa đổi, bổ sung ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tứ Kỳ Thông báo công khai Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Về hồ sơ Đồ án quy hoạch được phê duyệt

- Tên gọi: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Tứ Kỳ;

- Đơn vị tư vấn: Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng Hải Dương;

- Hồ sơ gồm: 10 bản vẽ quy hoạch, thuyết minh tổng hợp, Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện và các văn bản kèm theo.

2. Về quy định quản lý xây dựng theo Đồ án quy hoạch

Nội dung chi tiết theo Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn lập, Sở Xây dựng thẩm định kèm theo.

3. Tổ chức thực hiện

a) Trách nhiệm các cơ quan chuyên môn của huyện:

- Văn phòng HĐND và UBND huyện: Phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng để cập nhật tài liệu Hồ sơ quy hoạch được duyệt và trưng bày công khai, thường xuyên, liên tục các bản vẽ quy hoạch, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch tại trụ sở làm việc UBND huyện. Tham mưu cho UBND huyện tổ chức hội nghị công bố quy hoạch xây dựng vùng huyện có sự tham gia của đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Tứ Kỳ, đại diện nhân dân và cơ quan thông tấn báo chí;

- Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hoá và Thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các

quy hoạch chuyên ngành, lĩnh vực do đơn vị mình quản lý trên cơ sở Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Trung tâm văn hóa thể thao: Tổ chức in ấn các Bản vẽ quy hoạch để trưng bày công khai, thường xuyên, liên tục tại nơi công cộng bên các trục đường giao thông chính của huyện;

- Đài truyền thanh huyện: Đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử huyện Tứ Kỳ toàn bộ văn bản Thông báo công khai Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thường xuyên thông báo trên đài phát thanh các thông tin về việc quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ cho các tổ chức, cá nhân biết để thực hiện.

b) Giao cho UBND nhân dân các xã, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Công bố thông tin trên đài truyền thanh của xã, thị trấn và trên các thông tin đại chúng về nội dung Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện cho các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện;

- Có trách nhiệm thực hiện và quản lý quy hoạch vùng huyện theo đúng quy định bao gồm: Vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế; Hệ thống đô thị và nông thôn; Quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng; Quy mô, phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường; Bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng;

- Tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch vùng huyện được duyệt và các quy định khác có liên quan; trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định làm cơ sở để triển khai các dự án đầu tư tại địa phương theo quy định.

UBND huyện Tứ Kỳ thông báo công khai Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung trên để các cơ quan, đơn vị có liên quan biết và triển khai thực hiện./.

(Các nội dung cụ thể trong Đồ án quy hoạch, quyết định phê duyệt và quy định quản lý xây dựng của Đồ án quy hoạch được ban hành kèm theo Thông báo này) *Truy*

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương;
- Thường trực Huyện ủy Tứ Kỳ;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện; (để đăng tải thông tin)
- Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hoá và Thông tin;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT *VT*

(để báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Văn Soái

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ *Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng*; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng *Quy định về hồ sơ của Nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù*;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến Quy hoạch và các quy định hiện hành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hải Dương tại Tờ trình số 205/TTr-SXD ngày 18/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 (Hồ sơ do Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng Hải Dương lập, Sở Xây dựng thẩm định trình phê duyệt) với các nội dung chính sau:

1. Tên gọi: *Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.*

2. Vị trí, quy mô quy hoạch:

2.1. Vị trí, quy mô ranh giới lập quy hoạch:

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ được lập trên phạm vi toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện Tứ Kỳ sau khi điều chỉnh địa giới hành chính 16.531,82ha (bao gồm 01 thị trấn và 22 xã).

Ranh giới quy hoạch có tiếp giáp:

- Phía Bắc giáp thành phố Hải Dương; huyện Thanh Hà;
- Phía Nam giáp huyện Ninh Giang; huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng;
- Phía Đông giáp huyện Thanh Hà, huyện Tiên Lãng – TP Hải Phòng;
- Phía Tây giáp huyện Gia Lộc.

2.2. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2019: 151.346 người.

- Dự báo đến năm 2030 dân số toàn huyện khoảng 194.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 79.000 người, chiếm tỷ lệ 40,72%.

- Dự báo đến năm 2040 dân số toàn huyện khoảng 218.000 người, trong đó dân số nội thị là 103.000 người, chiếm tỷ lệ 47,24%.

2.3. Quy mô đất đai:

- Dự báo quy mô một số loại đất:

Đến năm 2030: Đất ở đô thị khoảng 250ha, đất ở nông thôn khoảng 170ha. Đến năm 2040: Đất ở đô thị khoảng 100ha; đất ở nông thôn khoảng 80ha

Đến năm 2040: Đất công nghiệp: khoảng 850ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: khoảng 200ha;

Đất sản xuất nông nghiệp: đến năm 2030 khoảng 10.200ha; đến năm 2040 khoảng 9.500ha.

3. Tính chất quy hoạch vùng huyện:

- Là vùng huyện của tỉnh Hải Dương với các ngành kinh tế chủ đạo : Dịch vụ, thương mại, nông nghiệp, làng nghề, chế biến nông sản; công nghiệp, du lịch và các ngành nghề phụ trợ...

- Là vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa phía Nam của tỉnh Hải Dương. Đầu mối giao thông trung chuyển, giao lưu kinh tế xã hội của tỉnh Hải Dương với thành phố Hải Phòng; Quảng Ninh, Thái Bình.

- Định hướng phát triển trước năm 2025 huyện Tứ Kỳ đạt tiêu chí Huyện nông thôn mới.

4. Mục tiêu quy hoạch:

- Quy hoạch nhằm đáp ứng được yêu cầu, định hướng phát triển của huyện Tứ Kỳ, của Vùng và của Tỉnh.

- Phát huy vị trí chiến lược của huyện Tứ Kỳ để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội ngoại vùng, quan hệ trong nước, khai thác các thế mạnh về đầu mối giao thông, công nghiệp, du lịch dịch vụ thương mại hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất hàng hóa lớn.

- Xây dựng cấu trúc không gian vùng lãnh thổ, liên kết đô thị, điểm dân cư nông thôn, liên kết các cực tăng trưởng kinh tế, đảm bảo sự phát triển cân đối hài hòa giữa đô thị và nông thôn; đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững; kết hợp chặt chẽ việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

- Là cơ sở để triển khai lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn, và quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng. Xây dựng các chương trình phát triển đô thị.

- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư, tạo nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh đồng bộ và hiện đại.

- Làm cơ sở pháp lý để định hướng và quản lý xây dựng theo quy hoạch, hình thành các chương trình, dự án đầu tư xây dựng.

5. Nhiệm vụ chủ yếu của đồ án:

- Điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội vùng; hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai;

hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật vùng; hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Khảo sát đo đạc bản đồ địa hình phục vụ công tác lập quy hoạch và quản lý quy hoạch.

- Xác định tiềm năng, động lực phát triển vùng; Dự báo về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa, sử dụng đất, môi trường; các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên...; Định hướng phát triển không gian theo mục tiêu và tính chất phát triển vùng.

Nội dung cụ thể bao gồm: Phân vùng phát triển đô thị, công nghiệp, khu kinh tế, du lịch, hạ tầng xã hội, bảo tồn (cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa lịch sử), nông thôn, sử dụng đất theo từng giai đoạn; định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng và đánh giá tác động môi trường chiến lược.

- Xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường;

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch làm căn cứ pháp lý để quản lý thực hiện theo quy hoạch.

- Trình tự thực hiện, nội dung, quy cách hồ sơ và các nội dung cụ thể khác theo quy định của Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành.

6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong quy hoạch phù hợp theo các quy định, Quy chuẩn quy hoạch xây dựng và tiêu chuẩn hiện hành, và đảm bảo phù hợp định hướng phát triển đô thị của huyện.

7. Các yêu cầu nghiên cứu chủ yếu:

7.1. Về định hướng phát triển đô thị của huyện:

Khu vực đô thị: Định hướng phát triển đô thị mới tại huyện Tứ Kỳ phù hợp theo chương trình phát triển đô thị của tỉnh Hải Dương đã duyệt;

- Giai đoạn đến năm 2030: nâng cấp thị trấn Tứ Kỳ lên đô thị loại IV ; thành lập thị trấn Hưng Đạo; Thành lập mới 4 đô thị loại V: Đại Sơn, Nguyên Giáp, Văn Tố, Dân Chủ.

- Giai đoạn đến năm 2040: Thành lập mới 2 đô thị loại V: Hà Kỳ và Minh Đức; các đô thị và nông thôn phát triển ổn định và bền vững.

Khu vực nông thôn: rà soát, hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới cho 2 xã mới thành lập; tiếp tục xây dựng hoàn thành các tiêu chí cho 11 xã được công nhận nông thôn mới trước năm 2020; xây dựng nâng cao các tiêu chí đạt xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu trong những năm tiếp theo.

7.2. Về định hướng phát triển không gian vùng:

- Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển; phân bổ và xác định quy mô các không gian phát triển: Vùng trung tâm huyện; vùng dọc trục Quốc lộ, Tỉnh lộ; vùng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ; vùng phát triển du lịch, bảo tồn; vùng phát triển đô thị và vùng nông thôn; xác định quy mô và tính chất các khu chức năng đặc thù.

- Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: Mô hình phát triển, cấu

trúc hệ thống đô thị với đô thị trung tâm và các đô thị ven các tuyến quốc lộ; khu vực nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới có tính đến tiêu chí đặc thù của huyện phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; Xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị.

- Phân bổ và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích lịch sử văn hóa có giá trị.

7.3. Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng:

Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng gồm: chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang...

7.4. Về Đánh giá môi trường chiến lược:

- Hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, vùng bị suy thoái môi trường, vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng; những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn.

- Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch.

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

8. Thành phần hồ sơ cần thể hiện:

8.1. Bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng.

- Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên, hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng, tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: xác định các vùng phát triển, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển; tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn; phân bổ, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bổ cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng, tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng (cấp điện), viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang, tỷ lệ 1/25.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược.

8.2. Văn bản:

- Tờ trình, thuyết minh, phụ lục, báo cáo...

- Các Văn bản pháp lý có liên quan.

- Quy định quản lý theo Quy hoạch xây dựng vùng.

* Các nội dung chi tiết tại hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch kèm theo.

10. Dự toán kinh phí khảo sát hiện trạng, lập quy hoạch.

* Dự toán kinh phí khảo sát lập bản đồ hiện trạng:

- Thu thập số liệu, mua bản đồ hiện trạng (tạm tính): 200.000.000 đồng

* Dự toán kinh phí lập quy hoạch: Quy mô diện tích 165,3182km²

- Chi phí lập quy hoạch:	1.326.348.000 đồng
- Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch :	96.425.000 đồng
- Thuế VAT (NV+QH):	142.277.000 đồng
- Chi phí thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch :	19.285.000 đồng
- Chi phí thẩm định quy hoạch :	90.722.000 đồng
- Chi phí quản lý lập đồ án quy hoạch :	85.417.000 đồng

Tổng cộng : 1.760.474.000 đồng

Tổng chi phí khảo sát lập bản đồ hiện trạng, lập quy hoạch: 1.960.474.000 đồng

(Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu, bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

*** Các chi phí khác: (tạm tính)**

- Chi phí công bố quy hoạch:	26.527.000 đồng
- Chi phí tổ chức lấy ý kiến tham gia:	39.790.000 đồng
- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu...:	15.542.000 đồng

* Việc thanh quyết toán giá trị kinh phí khảo sát hiện trạng, lập quy hoạch, và các chi phí khác nêu trên phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

11. Tổ chức thực hiện.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Tứ Kỳ.
- Đơn vị tư vấn lập Nhiệm vụ quy hoạch: Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng Hải Dương.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn Đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật.
- Thời gian tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng là 12 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng với Đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

Điều 2. Chủ đầu tư lập quy hoạch và đơn vị tư vấn căn cứ các quy định tại Điều 1 để triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tứ Kỳ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn – sở Xây dựng Hải Dương;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh Vũ Đức Chén;
- Lưu: VT, Minh (21b).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2738 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 16 tháng 9 năm 2021

UBND HUYỆN TỨ KỲ

ĐẾN Số: 4035

Ngày: 16.9

Chuyên: Lập UBND

Hồ sơ số: Về việc phê duyệt

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện
Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

- phụng bí thư (TN)
- Đe Tân (TM giao việc)
- phụng TN em;
- HN & PNT: tên (phụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 và các quy định hiện hành khác có liên quan;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hải Dương tại Tờ trình số 101 /TTr-SXD ngày 16 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Hồ sơ do Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn lập, Sở Xây dựng thẩm định trình phê duyệt), với những nội dung chính sau:

1. Hồ sơ: Điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Các nội dung điều chỉnh chính:

2.1. Thời hạn quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2030.
- Giai đoạn dài hạn: đến năm 2050.

2.2. Quy mô dân số dự báo:

- Số liệu dân số hiện trạng toàn huyện đến cuối năm 2020 là 169.836 người.

- Điều chỉnh tăng dự báo quy mô dân số theo các giai đoạn:

+ Dự báo đến năm 2030 dân số toàn huyện khoảng 200.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 95.000 người, chiếm tỷ lệ 47,5%.

+ Dự báo đến năm 2050 dân số toàn huyện khoảng 245.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 122.500 người, chiếm tỷ lệ 50,0%.

2.3. Quy mô đất đai:

- Tổng quy mô nghiên cứu quy hoạch điều chỉnh theo diện tích đất tự nhiên huyện Tứ Kỳ thống kê năm 2020: 16.539,28ha (tăng 7,46ha so với nhiệm vụ quy hoạch được duyệt 16.531,82ha).

- Dự báo quy mô đất đai sẽ được tính toán phù hợp quy mô dân số và các chỉ tiêu sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất đảm bảo theo quy định.

2.4. Tính chất quy hoạch vùng huyện:

- Là vùng huyện của tỉnh Hải Dương với các ngành kinh tế chủ đạo: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với Dịch vụ thương mại, làng nghề và du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm; Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ...

- Là vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa phía Nam của tỉnh Hải Dương. Đầu mối giao thông trung chuyển, giao lưu kinh tế xã hội của tỉnh Hải Dương với thành phố Hải Phòng và tỉnh Thái Bình.

- Huyện Tứ Kỳ đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020.

2.5. Định hướng phát triển đô thị của huyện:

- Giai đoạn đến năm 2030: nâng cấp thị trấn Tứ Kỳ lên đô thị loại IV; duy trì đô thị loại V Hưng Đạo, thành lập mới 06 đô thị loại V: Đại Sơn, Nguyên Giáp, Quang Phục, Minh Đức, Văn Tố, Quảng Nghiệp.

- Giai đoạn đến năm 2050: Thành lập mới 02 đô thị loại V: Hà Kỳ, Dân Chủ.

3. Các Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phù hợp theo các quy định, Quy chuẩn quy hoạch xây dựng và tiêu chuẩn hiện hành.

(Các nội dung chi tiết tại hồ sơ Điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch kèm theo)

4. Tổ chức thực hiện:

Thời gian tổ chức lập Quy hoạch: không quá 6 tháng kể từ ngày Điều chỉnh nhiệm vụ được phê duyệt.

* Các nội dung khác thực hiện theo Nhiệm vụ quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4496/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Tứ Kỳ phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai tổ chức lập, trình duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Tứ Kỳ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - Sở Xây dựng Hải Dương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Minh (10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Bản

Số: 2787 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ,
tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

UBND HUYỆN TỨ KỲ	
ĐẾN	Số: 4475
	Ngày: 15.10.2021
Chuyên:	Đào Lê M
Lưu hồ sơ số:	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định
số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số
44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 và các quy định hiện hành khác có
liên quan;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hải Dương tại Tờ trình số
107/TTr-SXD ngày 23 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải
Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Hồ sơ do Trung tâm Quy hoạch
Đô thị và Nông thôn lập, Sở Xây dựng thẩm định trình phê duyệt), với các nội
dung chính sau:

1. Hồ sơ:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Tứ Kỳ.

- Đơn vị tư vấn: Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng
Hải Dương.

- Hồ sơ gồm: 10 bản vẽ quy hoạch, thuyết minh tổng hợp, Quy định quản
lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện và các văn bản kèm theo.

2. Nội dung quy hoạch:

2.1. Vị trí, quy mô ranh giới quy hoạch:

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ được lập trên diện tích tự nhiên của huyện Tứ Kỳ (sau khi điều chỉnh địa giới hành chính) 16.539,28ha (bao gồm 01 thị trấn và 22 xã). Vị trí, ranh giới có tiếp giáp, cụ thể như sau:

- Phía Bắc: giáp thành phố Hải Dương; huyện Thanh Hà;
- Phía Nam: giáp huyện Ninh Giang; huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng;
- Phía Đông: giáp huyện Thanh Hà, huyện Tiên Lãng – TP Hải Phòng;
- Phía Tây: giáp huyện Gia Lộc, huyện Ninh Giang;

2.2. Tính chất quy hoạch vùng huyện:

- Là vùng huyện của tỉnh Hải Dương với các ngành kinh tế chủ đạo: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với dịch vụ thương mại, làng nghề và du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm; Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ,...

- Là vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa phía Nam của tỉnh Hải Dương. Đầu mối giao thông trung chuyển, giao lưu kinh tế xã hội của tỉnh Hải Dương với thành phố Hải Phòng và tỉnh Thái Bình.

2.3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng:

a) Dự báo tăng trưởng kinh tế:

- Đến năm 2030: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 15%/năm. Cơ cấu lao động trong ngành Nông, lâm, thủy sản - Công nghiệp, xây dựng - Dịch vụ tương ứng 14% - 50% - 36%.

- Đến năm 2050: giữ vững tăng trưởng ổn định mục tiêu 12%/năm. Cơ cấu lao động trong ngành Nông, lâm, thủy sản - Công nghiệp, xây dựng - Dịch vụ tương ứng 11% - 55% - 34%.

b) Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2020: 169.836 người.

+ Dự báo đến năm 2030 dân số toàn huyện khoảng 200.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 95.000 người, chiếm tỷ lệ 47,5%.

+ Dự báo đến năm 2050 dân số toàn huyện khoảng 245.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 122.500 người, chiếm tỷ lệ 50,0%.

- Dự kiến lực lượng lao động chiếm 60% - 70% tổng dân số toàn huyện.

2.4. Định hướng phát triển không gian vùng:

a) Định hướng phát triển đô thị:

Quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội, dự kiến phát triển các đô thị mới phù hợp theo định hướng chung của huyện, của tỉnh theo từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn đến 2030: Ngoài thị trấn Tứ Kỳ và đô thị Hưng Đạo (đô thị loại V), dự kiến nâng cấp các xã thành đô thị loại V gồm: Nguyên Giáp, Minh Đức, Quang Phục, Đại Sơn, Văn Tố và Quảng Nghiệp; Đồng thời tập trung đầu tư nâng cấp và xây dựng hạ tầng nhằm mục tiêu xây dựng huyện Tứ Kỳ cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV. Tổng số đô thị toàn huyện đến năm 2030 là 8 đô thị.

- Giai đoạn 2030 - 2050: Xây dựng, nâng cấp thêm 02 xã Hà Kỳ và Dân Chủ lên đô thị loại V; nâng tổng số đô thị trong huyện Tứ Kỳ là 10 đô thị; xây dựng huyện Tứ Kỳ trở lên đô thị loại IV thuộc tỉnh.

b) Định hướng tổ chức không gian vùng:

- Mở rộng thị trấn Tứ Kỳ về phía Đông Bắc, lấy thị trấn Tứ Kỳ làm trung tâm phát triển không gian đô thị, làm đô thị động lực, phát triển theo 02 tuyến đường quy hoạch mới (tuyến đường tránh Tỉnh lộ 391 và đường tránh Tỉnh lộ 392 kết nối sang huyện Thanh Hà) lan tỏa phát triển hệ thống các đô thị mới:

+ Phía Bắc huyện Tứ Kỳ lấy Hưng Đạo làm đô thị động lực, dọc theo trục Tỉnh lộ 391 phát triển các đô thị: Đại Sơn, Quang Phục.

+ Phía Nam huyện Tứ Kỳ dọc theo Tỉnh lộ 391 và Tỉnh lộ 396 quy hoạch mới phát triển các đô thị: Văn Tố, Nguyên Giáp, Hà Kỳ.

+ Phía Tây Nam thị trấn Tứ Kỳ định hướng đô thị Minh Đức là đô thị công nghiệp.

+ Phía Tây huyện Tứ Kỳ phát triển các đô thị ven Quốc lộ 37 gồm: Quảng Nghiệp, Dân Chủ.

- Định hướng phát triển không gian theo 5 vùng:

+ Vùng 1 khu vực thị trấn mở rộng là vùng trung tâm hành chính, văn hóa, dịch vụ thương mại, công cộng và công nghiệp;

+ Vùng 2 phát triển công nghiệp và đô thị;

+ Vùng 3 phát triển đô thị xanh, đô thị sinh thái bền vững;

+ Vùng 4 là trục ven sông Thái Bình phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, nông nghiệp công nghệ cao;

+ Vùng 5 là vùng nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp hữu cơ.

c) Định hướng quy hoạch mạng lưới dân cư:

- Khu dân cư đô thị:

+ Các khu dân cư mới được phát triển tập trung tại trung tâm vùng lõi (gồm thị trấn Tứ Kỳ, xã Minh Đức, Văn Tố, Quang Phục), khu vực phía Bắc dọc theo Tỉnh lộ 391, Tỉnh lộ 392 (Đại Sơn và Hưng Đạo). Phía Tây phát triển các khu dân cư mới quy mô vừa dọc tuyến Quốc lộ 37 tại các đô thị Dân Chủ, Quảng Nghiệp. Phía Đông phát triển các Khu dân cư đô thị mới ven tuyến đường tránh Tỉnh lộ 391 kết nối ra Quốc lộ 10. Ngoài ra phát triển các cụm dân

cư nhỏ lẻ xen kẽ giữa các khu dân cư hiện hữu, đáp ứng nhu cầu ở cho huyện Tứ Kỳ.

Đồng thời để đáp ứng đa dạng nhu cầu về quỹ đất ở, hướng tới tiêu chí đô thị xanh - sinh thái, định hướng xây dựng các khu dân cư, đô thị xanh ven các tuyến sông Thái Bình, sông Đĩnh Đào.

+ Khu dân cư nông thôn được định hướng nâng cấp, phát triển lên đô thị: cải tạo chỉnh trang đô thị cho phù hợp định hướng phát triển.

- Khu dân cư nông thôn:

Giai đoạn đến năm 2030, tiếp tục đầu tư xây dựng các xã trong huyện nâng cao chất lượng 18 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao. Sau năm 2030, 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, xây dựng huyện nông thôn mới phát triển bền vững, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Quy hoạch đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng, phát triển các điểm dân cư theo các cụm dân cư trong thôn và tại khu vực dọc đường huyện, trực liên xã kết hợp với các điểm dịch vụ thương mại, công nghiệp... tăng cường mật độ cây xanh, xây dựng các công trình theo kiến trúc truyền thống. Tổ chức các khu ở mới, bám sát cấu trúc làng xã hiện hữu. Tổ chức các khu ở công nhân đối với các không gian phát triển công nghiệp.

d) Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội:

- Hệ thống công trình giáo dục, y tế:

+ Duy trì, cải tạo mở rộng các cơ sở giáo dục từ bậc mầm non, tiểu học, phổ thông, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới các hoạt động giáo dục đào tạo đảm bảo 100% các trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị giảng dạy.

+ Quy hoạch mới và cải tạo các công trình y tế của huyện, của xã đảm bảo theo tiêu chuẩn, 100% trạm y tế xã trong huyện được cải tạo nâng cấp hoặc xây mới đảm bảo đạt chuẩn. Nâng cao chất lượng y tế, khuyến khích xã hội hóa ngành y tế để phát triển hệ thống y tế công lập và ngoài công lập.

- Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện khu Trung tâm văn hóa thể dục thể thao, của huyện tại thị trấn Tứ Kỳ để phục vụ nhu cầu nhân dân. Quy hoạch và xây dựng khu công viên cây xanh tại thị trấn Tứ Kỳ.

+ 100% các xã có khu văn hóa - thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao và 100% các thôn có nhà văn hóa - khu thể thao.

e) Định hướng các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

- Định hướng phát triển công nghiệp:

Định hướng quy hoạch đất phát triển công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đến 2050 khoảng 1.432 ha. Trong đó tổng diện tích đất phát triển công nghiệp (Khu, cụm công nghiệp tập trung) khoảng 1.199ha. Còn lại là cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và làng nghề nhỏ lẻ.

Quy hoạch, kêu gọi đầu tư các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, tập trung phát triển các khu công nghiệp sinh thái, hạn chế phát triển công nghiệp nhỏ lẻ. Huyện Tứ Kỳ có 11 làng nghề được công nhận, định hướng di chuyển các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, các cơ sở làng nghề gây ô nhiễm gần việc phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với việc xây dựng nông thôn mới để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Định hướng phát triển nông nghiệp:

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất các sản phẩm an toàn, phát triển bền vững, bảo vệ sinh thái và cảnh quan môi trường. Hình thành và mở rộng các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao gắn với các sản phẩm có thể mạnh của từng xã; Khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt các vùng sản xuất nông nghiệp có năng suất, chất lượng cao, vùng có sản phẩm đặc trưng, sản xuất hữu cơ (lúa chất lượng cao, rau màu, rươi, cây...).

Quy hoạch đất nông nghiệp theo từng giai đoạn:

+ Giai đoạn đến năm 2030 dự báo tổng diện tích đất nông nghiệp còn 9.654ha (giảm 1.539ha). Duy trì diện tích đất trồng lúa khoảng 5.119ha.

+ Giai đoạn 2030-2050 dự báo diện tích đất nông nghiệp còn 8.638ha (giảm 1.016ha). Duy trì diện tích đất lúa khoảng 4.089ha.

Trong đó, quy hoạch 05 vùng trồng lúa chất lượng cao có diện tích khoảng 1.570ha; diện tích đất lúa cần khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt khoảng 3.689ha. Hình thành các vùng chuyên canh rau màu kết hợp xen canh vùng trồng lúa chú trọng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, đầu tư phát triển rau màu chất lượng cao tại 02 xã Hưng Đạo và An Thanh; Duy trì ổn định diện tích cây ăn quả, diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2050; Ngoài 02 vùng rươi cáy ở xã An Thanh và Chí Minh, quy hoạch mở rộng diện tích vùng rươi cáy sang các xã Quang Trung, Bình Lãng, Hà Thanh; Quy hoạch 01 khu chăn nuôi tập trung diện tích khoảng 12ha tại xã Minh Đức, ngoài ra mỗi xã có 1-2 khu trang trại diện tích 1-5ha, bố trí 01 cơ sở giết mổ loại I tại xã Văn Tố, 03 cơ sở giết mổ loại II tại xã Dân Chủ, Hưng Đạo và Quang Trung.

- Định hướng phát triển thương mại dịch vụ du lịch:

+ Xây dựng thị trấn Tứ Kỳ thành trung tâm thương mại dịch vụ của khu vực, phát triển dịch vụ thương mại theo các chuỗi đô thị. Nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ như: Dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, dịch vụ sửa chữa, dịch vụ vận tải, văn hóa giải trí và lưu trú.

+ Định hướng quy hoạch phát triển 01 Khu chức năng du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm kết hợp dân cư mới dọc trục sông Thái Bình, 01 khu dịch vụ sinh thái thể thao tại bãi soi Đại Sơn; khu du lịch trải nghiệm rươi cá nằm ở xã An Thanh.

+ Duy trì mỗi xã ít nhất có 01 chợ nông thôn, nâng cấp 02 chợ hạng 2 và 04 chợ hạng 3. Tập trung xây dựng mới hệ thống siêu thị và phát triển các cửa hàng OCOP tại khu vực thị trấn Tứ Kỳ, Hưng Đạo, Đại Sơn, Quang Phục, Văn Tố, Nguyên Giáp, Minh Đức, Dân chủ, Quảng Nghiệp. Nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ như: Dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, dịch vụ sửa chữa, dịch vụ vận tải, logistics, văn hóa giải trí và lưu trú...

+ Định hướng phát triển du lịch, bảo tồn: xây dựng và hình thành các tua, tuyến du lịch trải nghiệm gắn kết tiềm năng sẵn có của địa phương là các vùng rươi cá tại xã An Thanh.

2.5. Dự báo quy hoạch sử dụng đất toàn huyện:

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng	QH năm 2030	QH năm 2050
		ha	ha	ha
	Tổng diện tích tự nhiên	16.539,28	16.539,28	16.539,28
A	Đất nông nghiệp	11.194,78	9.654,83	8.638,74
1	Đất trồng lúa	6.684,72	5.119,83	4.089,74
2	Đất trồng cây lâu năm	598,10	634,00	619,00
3	Đất nuôi trồng thủy sản	2.026,90	2.000,00	1.980,00
4	Đất nông nghiệp, trồng cây hàng năm khác	1.885,06	1.901,00	1.950,00
B	Đất phi nông nghiệp	5.344,50	6.884,45	7.900,54
1	Đất ở hiện trạng	1.407,80	1.407,80	1.407,80
2	Đất khu ở mới	0,00	750,00	1.090,00
3	Đất công nghiệp, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	254,00	898,85	1.432,15
a	Đất công nghiệp	69,60	673,55	1.199,15
b	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	184,40	225,30	233,00
4	Đất thương mại dịch vụ	10,00	110,00	200,00

5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	135,90	145,15	136,01
6	Đất có mục đích công cộng (<i>giao thông, thủy lợi, năng lượng, ...</i>)	2.276,30	2.390,45	2.500,00
7	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	26,90	26,90	26,90
8	Đất an ninh, quốc phòng	8,20	13,95	15,35
9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	145,60	160,75	165,23
10	Sông ngòi, kênh rạch	1.038,10	950,00	900,00
11	Mặt nước chuyên dùng	40,80	30,60	27,10
12	Đất phi nông nghiệp khác	0,90	0,00	0,00
C	Đất chưa sử dụng	18,00	0,00	0,00

2.6. Định hướng quy hoạch hệ thống kỹ thuật hạ tầng:

a) Chuẩn bị kỹ thuật – thoát nước mặt:

- Không chế cốt san nền các khu vực quy hoạch mới phù hợp với cốt hiện trạng của khu vực, phù hợp với từng loại khu chức năng, cao độ từ +2,0m÷3,5m.

- Hệ thống thoát nước mặt toàn bộ khu vực phân làm 6 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Gồm các xã phía Bắc đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, tiêu thoát nước ra sông Thái Bình.

+ Lưu vực 2: Phía Nam đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng gồm các xã Ngọc Kỳ, Tái Sơn, Quang Phục, Tân Kỳ, Dân Chủ, Quảng Nghiệp, Đại Hợp, tiêu thoát nước ra sông Đình Đào.

+ Lưu vực 3: Gồm xã Quang Khải và xã Minh Đức, được tiêu thoát nước ra sông Đình Đào.

+ Lưu vực 4: gồm các xã Hà Kỳ, Hà Thanh, được tiêu thoát nước ra sông Đình Đào và sông Luộc.

+ Lưu vực 5: Gồm các xã Nguyên Giáp, Tiên Động, Quang Trung, được tiêu thoát nước ra sông Thái Bình và sông Luộc.

+ Lưu vực 6: Gồm một phần xã Quang Phục, các xã Bình Lãng, Chí Minh phía Nam đường cao tốc, toàn bộ diện tích thị trấn Tứ Kỳ, các xã Văn Tố, Phượng Kỳ, Cộng Lạc, An Thanh, tiêu thoát nước ra sông Thái Bình.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

Các tuyến đường hiện có chạy qua huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quy mô: Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, QL.10, QL.37; cải tạo mở rộng các tuyến Tỉnh lộ 391, 392 toàn tuyến đạt quy mô đường cấp III đồng bằng lộ giới 45m (đoạn qua khu dân cư hiện có lộ giới 25-33m, đoạn không qua khu dân cư lộ giới 45m).

Quy hoạch mới một số tuyến, gồm:

+ Một đoạn TL391 (phía Tây Nam thôn An Thổ) đi xã Hà Thanh (quy hoạch mới 01 cầu mới bắc qua cửa ầu An Thổ).

+ Tuyến tránh TL392 mới: Điểm đầu từ nút giao với TL392 (phía Tây Bắc xã Minh Đức) đi qua xã Văn Tổ, Chí Minh đầu nối với Tỉnh lộ 390 thuộc huyện Thanh Hà (quy hoạch 2 cầu qua sông).

+ Tỉnh lộ 396 mới: Vị trí Tỉnh lộ 396 hiện có thuộc xã Đồng Tâm huyện Ninh Giang đầu nối sang xã Hà Kỳ, chạy qua các xã Phượng Kỳ, Cộng Lạc, An Thanh - huyện Tứ Kỳ kết nối sang huyện Thanh Hà (quy hoạch 2 cầu qua sông).

+ Tuyến Vành đai V thủ đô qua huyện Tứ Kỳ.

- Đường huyện: Cải tạo mở rộng các tuyến hiện có 191B, 191C, 191H, 191P đạt quy mô đường cấp IV; cải tạo đường huyện 191D đạt quy mô đường cấp V; nâng cấp cải tạo đoạn đường 191E qua xã Quang Phục quy mô đường cấp IV, đoạn còn lại giữ nguyên; nâng cấp cải tạo đoạn đường 191N qua xã Văn Tổ đến xã Hà Kỳ quy mô đường cấp IV.

Định hướng quy hoạch một số đoạn tuyến đường huyện mới:

+ Tuyến 1: Từ nút giao với TL391 phía Bắc khu An Nhân Tây (thị trấn Tứ Kỳ) đến nút giao với TL391 tại xã Tái Sơn.

+ Tuyến 2: Từ phía Tây Bắc thôn La Giang xã Văn Tổ đến phía Bắc thôn Như Lâm xã Phượng Kỳ.

+ Tuyến 3: Đường tránh TL391 từ xã Quang Phục theo hướng Đông Nam đến xã Văn Tổ.

+ Tuyến 4: Từ phía Bắc thôn Quan Lộc xã Tiên Động qua xã Nguyên Giáp và đầu nối vào TL391.

+ Tuyến 5: Từ nút giao với tuyến 4 chạy tới nút giao với đường 191N tại vị trí phía Nam thôn Đại Hà xã Hà Kỳ.

+ Tuyến 6: Nâng cấp cải tạo tuyến đê hữu sông Thái Bình giáp với thành phố Hải Dương tới đường TL396.

+ Tuyến 7: Tuyến đường huyện Minh Đức – Quang Khải từ nút giao với 191H tại thôn Tân Quang xã Quang Khải đến thôn Cự Lộc xã Minh Đức.

- Nâng cấp cải tạo các tuyến đường xã, đường thôn.

- Giao thông tỉnh: Quy hoạch mới 01 bến xe khách Trung tâm tại thị trấn Tứ Kỳ và 01 bến xe khách phía Nam tại xã Nguyên Giáp.

- Đường sắt: Tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng nằm phía Nam đi trùng đường cao tốc Hà Nội Hải Phòng.

- Giao thông đường thủy: khai thác và phát triển hệ thống giao thông thủy trên các tuyến sông, bố trí các bến thủy nội địa theo quy hoạch bến thủy nội địa.

c) Hệ thống cấp nước:

Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 khoảng 39.141 m³/ng.đ, đến năm 2050 khoảng 61.332 m³/ng.đ.

Nguồn nước từ các trạm cấp nước: Nâng công suất các trạm hiện có: Kỳ Sơn, Hưng Đạo, Đông Kỳ, An Thanh – Tứ Xuyên, Nguyên Giáp. Duy trì các trạm cấp nước Cộng Lạc, Hà Thanh, Hà Kỳ, Tiên Động sử dụng đến năm 2030. Sau năm 2030, chuyển đổi nguồn cấp nước thô đối với trạm Cộng Lạc, Hà Thanh, chuyển thành trạm tăng áp đối với trạm Hà Kỳ và Tiên Động. Nâng công suất các trạm trung chuyển Tân Kỳ, Quảng Nghiệp, thị trấn Tứ Kỳ, trạm Minh Đức – Quang Khải.

Nâng cấp các tuyến ống truyền tải và phân phối để đảm bảo cấp nước đủ lưu lượng, chất lượng.

d) Hệ thống thoát nước thải, rác thải và vệ sinh môi trường:

- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng mới và hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại chỗ trong các đô thị, khu dân cư đô thị tập trung với mật độ dân cư cao... Dự kiến thiết kế hệ thống thoát nước hỗn hợp gồm thoát nước mưa riêng cho khu dân cư đô thị hiện hữu, thoát nước riêng cho khu dân cư đô thị mới. Đối với khu vực nông thôn: từng bước đầu tư hệ thống thu gom và tiêu thoát. Hệ thống nước thải đô thị và nông thôn được thu gom về các trạm xử lý nước thải cấp vùng diện tích khoảng 1-3ha/trạm với tổng công suất xử lý đến năm 2030 khoảng 15.000 m³/ng.đ, đến năm 2050 khoảng 23.000 m³/ng.đ; dự kiến tại 6 vị trí: phía Nam của khu An Nhân Tây- thị trấn Tứ Kỳ, phía Đông Bắc của thôn Lạc Dục - Hưng Đạo, phía Bắc thôn An Thổ - Nguyên Giáp, phía Nam xã Minh Đức, phía Bắc của xã Quang Phục và phía Bắc của xã Dân Chủ.

- Nước thải công nghiệp và nước thải Y tế: được thu gom và xử lý riêng theo quy định.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom chuyển đi trong ngày.

+ Giai đoạn đến năm 2030 thu gom, sử dụng các khu xử lý, chôn lấp đã được tỉnh và huyện đầu tư xây dựng cho các địa phương.

+ Giai đoạn 2030-2050: Thu gom và xử lý chất thải rắn thực hiện theo phương án quy hoạch Chất thải rắn trong Quy hoạch tỉnh được duyệt và Đề án thu gom, xử lý rác thải tỉnh theo từng giai đoạn.

e) Cung cấp năng lượng:

- Cấp điện: Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2030 khoảng 260.145kVA; đến năm 2050 khoảng 501.109kVA. Nguồn điện từ các đường dây 110KV chạy qua địa bàn huyện Tứ Kỳ cấp đến trạm biến áp 220kV Tứ Kỳ (quy hoạch mới) và các trạm biến áp 110KV: Nguyên Giáp (nâng công suất), Tứ Kỳ, Tứ Kỳ 2, Tứ Kỳ 3 - giai đoạn 2030-2050 (quy hoạch mới).

Xây dựng các tuyến đường dây 220kV, 110kV, 35kV theo quy hoạch đảm bảo phục vụ nhu cầu của huyện.

- Các nguồn năng lượng khác: Quy hoạch hệ thống cửa hàng kinh doanh xăng dầu phù hợp với quy hoạch của tỉnh, cải tạo, mở rộng hoặc di chuyển xây mới các cửa hàng xăng dầu đảm bảo các quy định về kinh doanh và an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông đường bộ.

f) Hệ thống Viễn thông:

- Bưu chính: Duy trì số lượng bưu cục tại các trung tâm xã, thị trấn và các trung tâm đô thị; nâng cấp thiết bị hiện đại, linh hoạt sử dụng.

- Viễn thông: Sử dụng mạng đa dịch vụ, mở rộng mạng thông tin di động; Nâng cấp các tổng đài vệ tinh tại những vùng có nhu cầu dịch vụ mới; Nâng cấp các thiết bị truyền dẫn, bổ sung các tuyến cáp quang đáp ứng nhu cầu sử dụng.

2.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đề ra mục tiêu đảm bảo phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ môi trường; Đánh giá xu hướng diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch với các tác động tích cực tạo ra bởi việc hình thành và phát triển đô thị và một số tác động tiêu cực; Đảm bảo mục tiêu đánh giá, bảo vệ môi trường để phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa tại huyện Tứ Kỳ.

- Định hướng các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường, các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đảm bảo tối thiểu hóa mức rủi ro, các giải pháp trong quản lý bảo vệ môi trường.

2.8. Các khu vực phát triển đô thị, chương trình, dự án ưu tiên thực hiện:

Xác định các khu vực phát triển đô thị, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư cho các giai đoạn để thực hiện quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển.

** Nội dung quy hoạch và các chỉ tiêu chi tiết tại hồ sơ Thuyết minh và phương án Quy hoạch kèm theo.*

3. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Nội dung chi tiết theo Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn lập, Sở Xây dựng thẩm định kèm theo.

4. Nội dung liên quan:

Giao cho UBND huyện Tứ Kỳ khẩn trương lập quy hoạch chung xây dựng các xã nông thôn đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt, tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định để làm cơ sở tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện. Giám sát việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Giao cho UBND huyện Tứ Kỳ chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố quy hoạch được duyệt đảm bảo đúng thời gian theo quy định; Thực hiện quản lý quy hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tứ Kỳ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

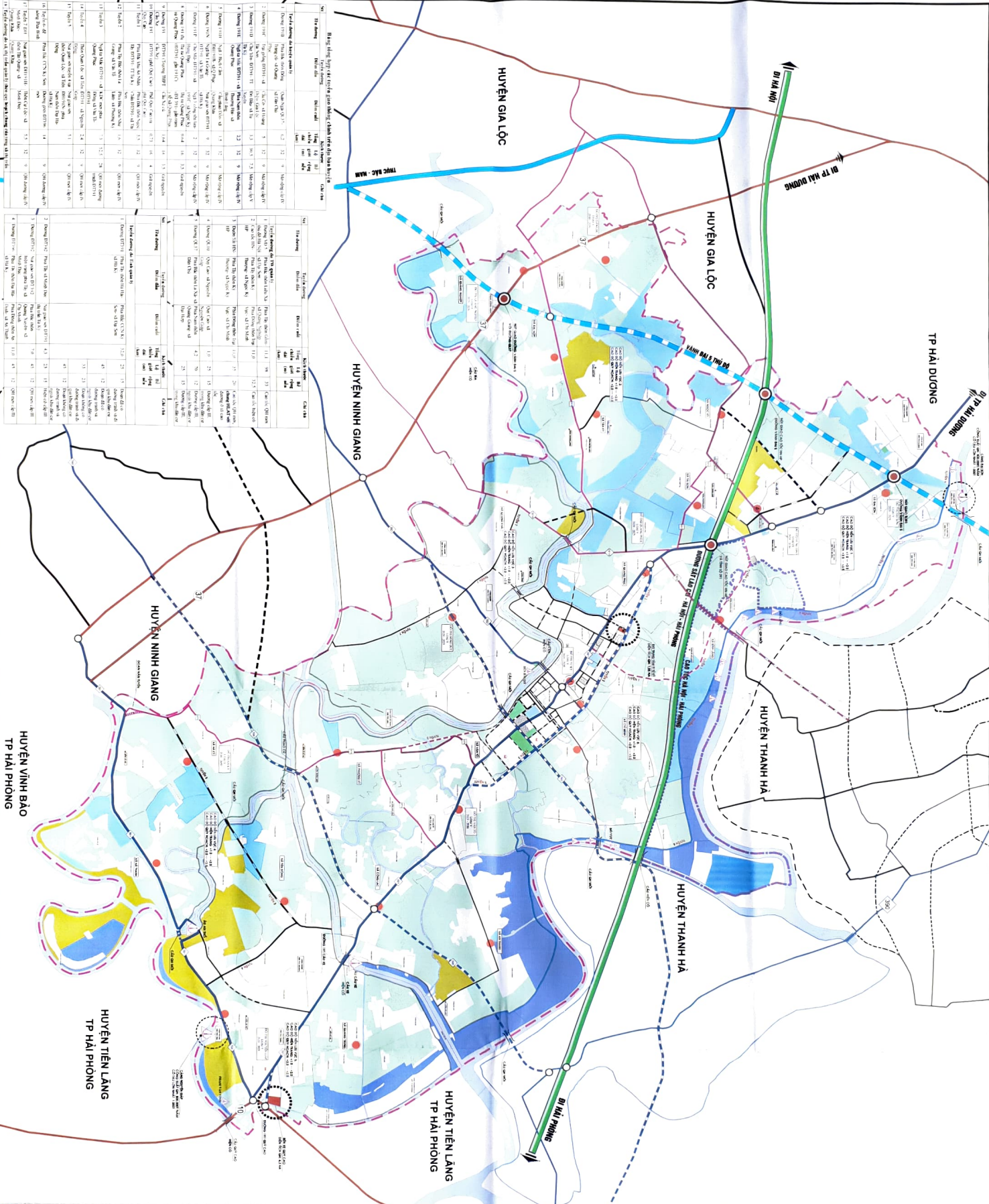
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Minh (10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Triệu Thế Hùng

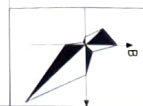


KÝ HIỆU

_____	_____
_____	_____
_____	_____

STT	TÊN SẢN PHẨM	THÀNH PHẦN	HẠNG MỤC	HẠNG MỤC	HẠNG MỤC	HẠNG MỤC
1	...	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...	...
11	...	...	...	...	...	...
12	...	...	...	...	...	...
13	...	...	...	...	...	...
14	...	...	...	...	...	...
15	...	...	...	...	...	...
16	...	...	...	...	...	...
17	...	...	...	...	...	...
18	...	...	...	...	...	...
19	...	...	...	...	...	...
20	...	...	...	...	...	...
21	...	...	...	...	...	...
22	...	...	...	...	...	...
23	...	...	...	...	...	...
24	...	...	...	...	...	...
25	...	...	...	...	...	...
26	...	...	...	...	...	...
27	...	...	...	...	...	...
28	...	...	...	...	...	...
29	...	...	...	...	...	...
30	...	...	...	...	...	...
31	...	...	...	...	...	...
32	...	...	...	...	...	...
33	...	...	...	...	...	...
34	...	...	...	...	...	...
35	...	...	...	...	...	...
36	...	...	...	...	...	...
37	...	...	...	...	...	...
38	...	...	...	...	...	...
39	...	...	...	...	...	...
40	...	...	...	...	...	...
41	...	...	...	...	...	...
42	...	...	...	...	...	...
43	...	...	...	...	...	...
44	...	...	...	...	...	...
45	...	...	...	...	...	...
46	...	...	...	...	...	...
47	...	...	...	...	...	...
48	...	...	...	...	...	...
49	...	...	...	...	...	...
50	...	...	...	...	...	...
51	...	...	...	...	...	...
52	...	...	...	...	...	...
53	...	...	...	...	...	...
54	...	...	...	...	...	...
55	...	...	...	...	...	...
56	...	...	...	...	...	...
57	...	...	...	...	...	...
58	...	...	...	...	...	...
59	...	...	...	...	...	...
60	...	...	...	...	...	...
61	...	...	...	...	...	...
62	...	...	...	...	...	...
63	...	...	...	...	...	...
64	...	...	...	...	...	...
65	...	...	...	...	...	...
66	...	...	...	...	...	...
67	...	...	...	...	...	...
68	...	...	...	...	...	...
69	...	...	...	...	...	...
70	...	...	...	...	...	...
71	...	...	...	...	...	...
72	...	...	...	...	...	...
73	...	...	...	...	...	...
74	...	...	...	...	...	...
75	...	...	...	...	...	...
76	...	...	...	...	...	...
77	...	...	...	...	...	...
78	...	...	...	...	...	...
79	...	...	...	...	...	...
80	...	...	...	...	...	...
81	...	...	...	...	...	...
82	...	...	...	...	...	...
83	...	...	...	...	...	...
84	...	...	...	...	...	...
85	...	...	...	...	...	...
86	...	...	...	...	...	...
87	...	...	...	...	...	...
88	...	...	...	...	...	...
89	...	...	...	...	...	...
90	...	...	...	...	...	...
91	...	...	...	...	...	...
92	...	...	...	...	...	...
93	...	...	...	...	...	...
94	...	...	...	...	...	...
95	...	...	...	...	...	...
96	...	...	...	...	...	...
97	...	...	...	...	...	...
98	...	...	...	...	...	...
99	...	...	...	...	...	...
100	...	...	...	...	...	...

...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...</
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-------



SỞ XÂY DỰNG HÀ NỘI

TRƯNG TÀI QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

ĐẠI HỘI ĐẢNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THS. TS. TRẦN VIỆT THƯỜNG

ĐẠI HỘI ĐẢNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



1000000	same with 1000000	same with 10
---------	-------------------	--------------

	2017 (USD)	2017 (LSD)	2017 (USD)
2017 (USD)	100	100	100
2017 (LSD)	100	100	100
2017 (USD)	100	100	100

STT	ITEM NAME	QTY SELECT	
		ENTER QTY	OK
1	3/8" DIA. ST		

[illegible]

Page	Page
1	2
3	4
5	6
7	8
9	10
11	12
13	14
15	16
17	18
19	20
21	22
23	24
25	26
27	28
29	30
31	32
33	34
35	36
37	38
39	40
41	42
43	44
45	46
47	48
49	50
51	52
53	54
55	56
57	58
59	60
61	62
63	64
65	66
67	68
69	70
71	72
73	74
75	76
77	78
79	80
81	82
83	84
85	86
87	88
89	90
91	92
93	94
95	96
97	98
99	100

What is the total number of people who are not in the military?	100	100	100
What is the total number of people who are in the military?	100	100	100

ALL INFORMATION CONTAINED HEREIN IS UNCLASSIFIED

8	800	800	800
9	800	800	800
10	800	800	800
11	800	800	800
12	800	800	800
13	800	800	800
14	800	800	800
15	800	800	800
16	800	800	800
17	800	800	800
18	800	800	800
19	800	800	800
20	800	800	800
21	800	800	800
22	800	800	800
23	800	800	800
24	800	800	800
25	800	800	800
26	800	800	800
27	800	800	800
28	800	800	800
29	800	800	800
30	800	800	800
31	800	800	800
32	800	800	800
33	800	800	800
34	800	800	800
35	800	800	800
36	800	800	800
37	800	800	800
38	800	800	800
39	800	800	800
40	800	800	800
41	800	800	800
42	800	800	800
43	800	800	800
44	800	800	800
45	800	800	800
46	800	800	800
47	800	800	800
48	800	800	800
49	800	800	800
50	800	800	800
51	800	800	800
52	800	800	800
53	800	800	800
54	800	800	800
55	800	800	800
56	800	800	800
57	800	800	800
58	800	800	800
59	800	800	800
60	800	800	800
61	800	800	800
62	800	800	800
63	800	800	800
64	800	800	800
65	800	800	800
66	800	800	800
67	800	800	800
68	800	800	800
69	800	800	800
70	800	800	800
71	800	800	800
72	800	800	800
73	800	800	800
74	800	800	800
75	800	800	800
76	800	800	800
77	800	800	800
78	800	800	800
79	800	800	800
80	800	800	800
81	800	800	800
82	800	800	800
83	800	800	800
84	800	800	800
85	800	800	800
86	800	800	800
87	800	800	800
88	800	800	800
89	800	800	800
90	800	800	800
91	800	800	800
92	800	800	800
93	800	800	800
94	800	800	800
95	800	800	800
96	800	800	800
97	800	800	800
98	800	800	800
99	800	800	800
100	800	800	800

原裝正廠		
原裝正廠		
原裝正廠		
原裝正廠		
原裝正廠		
原裝正廠		
原裝正廠		
原裝正廠		

10. **CRITICAL THINKING** **Problem Solving** **100%**

項目	単位	数量	備考
1. 材料費	円		
2. 労務費	円		
3. 経費	円		
4. 利益	円		
5. 合計	円		

12. How many cells are there in total?

[illegible]

11		12	
W. THOMAS LAM, CHAIRMAN		W. THOMAS LAM, CHAIRMAN	
11	12	11	12
W. THOMAS LAM	W. THOMAS LAM	W. THOMAS LAM	W. THOMAS LAM
11	12	11	12
W. THOMAS LAM	W. THOMAS LAM	W. THOMAS LAM	W. THOMAS LAM

[illegible]

     	     	     	     	     	     
--	--	--	--	--	--

[illegible][illegible]

[illegible]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

○ ○	○ ○
-------------------	-------------------

◎ 精選民間

--	--	--	--	--	--

CO QUAN PHÁP ĐO LƯỜNG
ĐIỀU KIỆN ĐÁNH GIÁ VÀ ĐO LƯỜNG

 Date: 21/02/2023
 Signature: *[Handwritten Signature]*



CÔNG TY
TRIỆU THỊ HỒNG

CO GRAN FROM OPEN
SO RAIL OPENING WITH BURNING

30 MAY 1968

CO QUAN THỂ CHỨC LẠI SỰ HOẠCH

17. EAM would have written by 17
the end of week of Aug. - under 22 weeks of
17

CÔNG TRÌNH DỰA DẪM XÂY DỰNG

Đến năm 2020, tôi nhận được năm 2020

Đến bản về
số bộ phận vùng và diện tích đất liền không gian vùng

Year of Onset	Age (yr)	HL (75,000)	yr 2021
2019	19	114	1

1. <u>Chú nghĩa là chủ thể</u> của hành động	2. <u>Động từ</u> hành động
---	--------------------------------

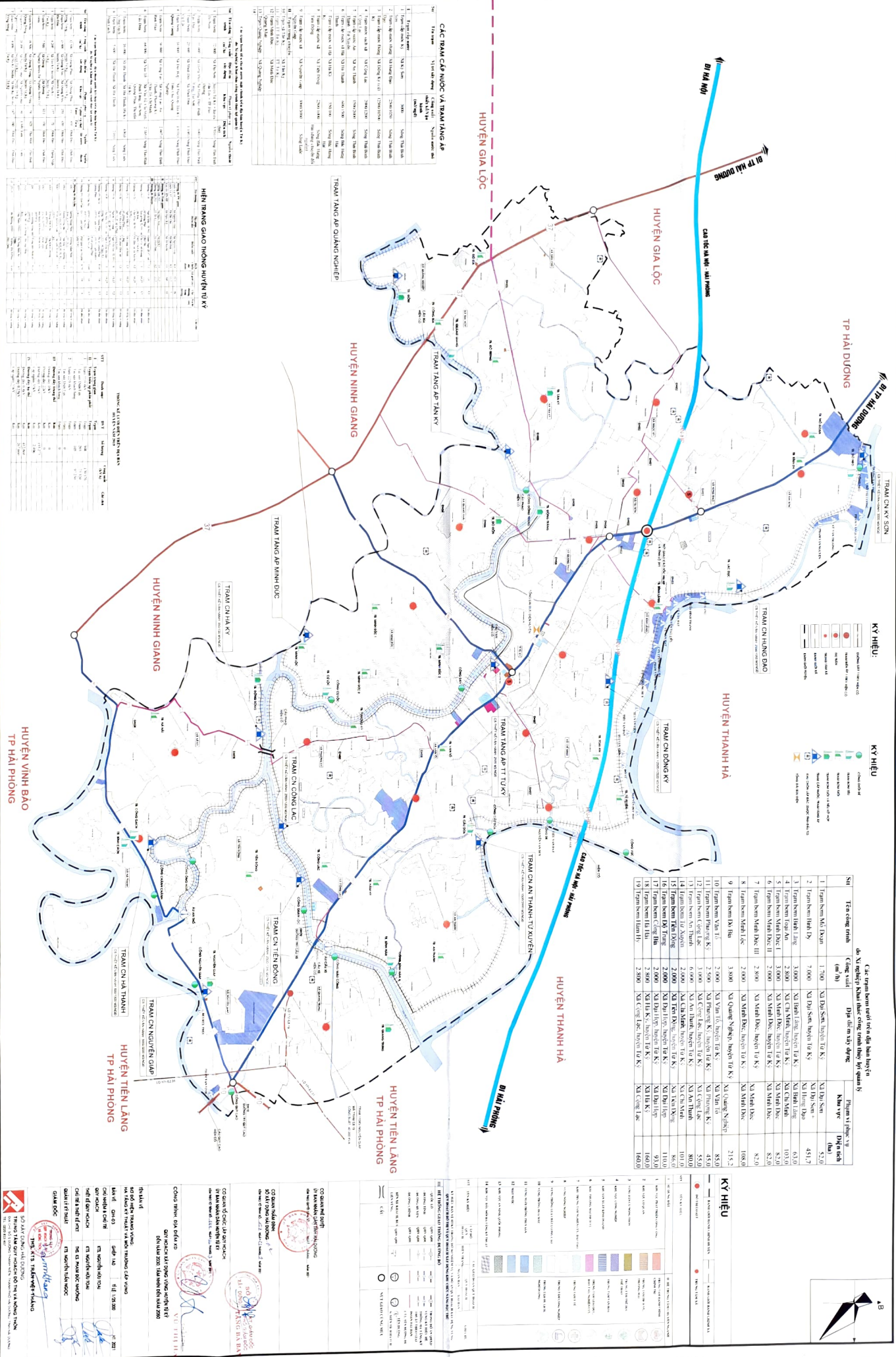
right of our nation	its worth and value	
our nation's right of our	its value and worth	

[illegible]

Handwritten signature: *James H. ...*

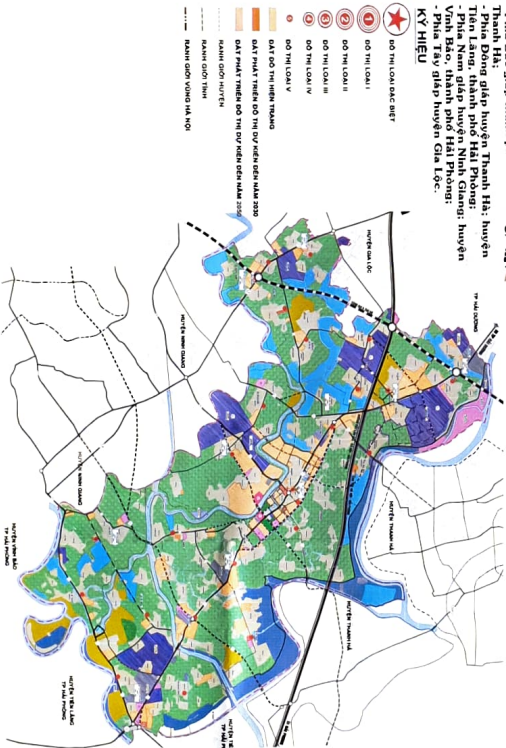
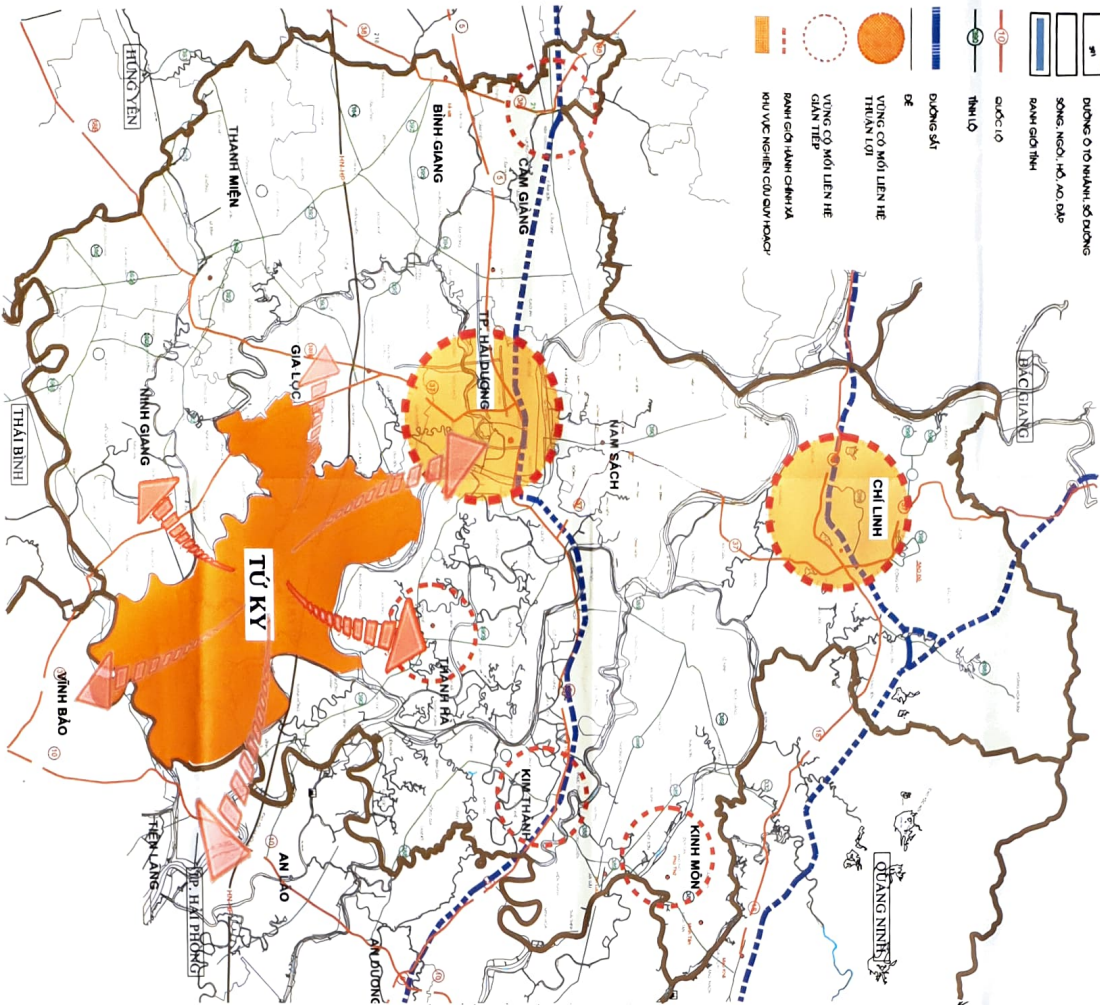
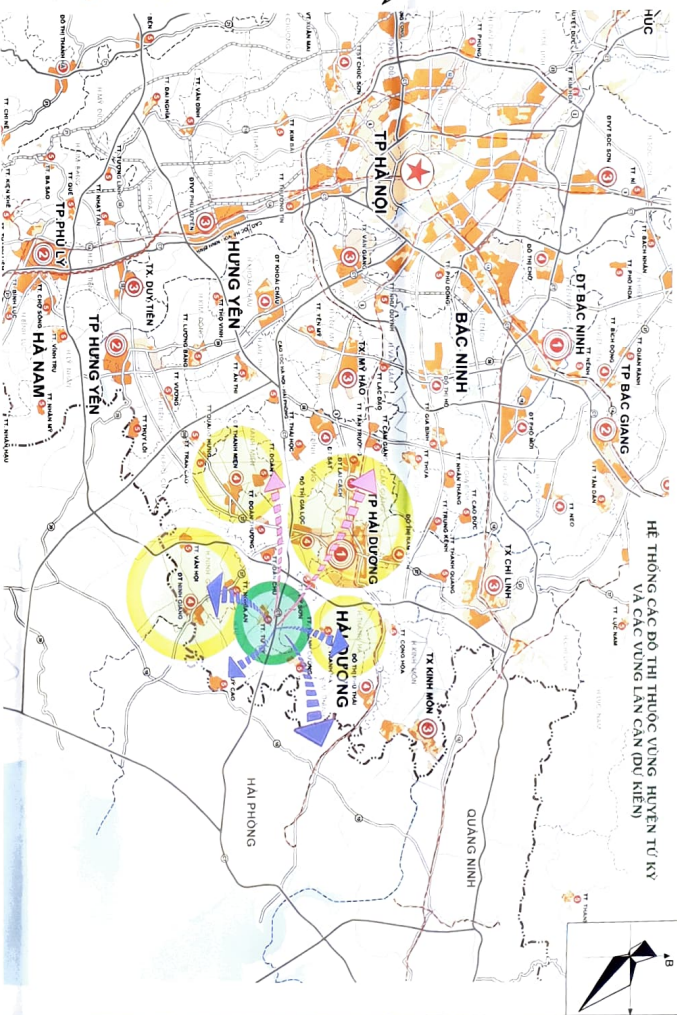
THS: KTS. TRẦN VIỆT HƯNG
SỞ KINH DƯNG HẢI DƯƠNG

TRUNG TÂM QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐUA CÚNG ĐỒ SỬ DỤNG THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MỚI TRONG MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG
TEL: 0273 832 837



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ LIÊN HỆ VÙNG

HỆ THỐNG CÁC ĐỒ THI THUỘC VÙNG HUYỆN TỬ KY
VÀ CÁC VÙNG LÂN CẬN (DỰ KIẾN)

[illegible]